

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bám sát các quan điểm, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung của Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phân công trách nhiệm chủ trì, trách nhiệm phối hợp của các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể và đồng thuận xã hội trong việc thực hiện kế hoạch để phát triển Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quảng Bình phù hợp với vị thế, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch triển khai nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

Phát triển GDĐT theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; quan tâm đầu tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để phát triển GDĐT đạt trình độ tương đương với khu vực Bắc Trung Bộ và phạm vi cả nước.

Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ và giải pháp về phát triển GDĐT phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh.

Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển ngành GDĐT Quảng Bình tiên tiến, hiện đại, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, phát triển toàn diện con người Việt Nam, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các tiến bộ mới nhất của khoa học và công nghệ; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, nhân cách, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành cho học sinh, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Đào tạo người học trở thành công dân yêu nước, tự hào dân tộc, có đạo đức, kỷ luật, ý thức trách nhiệm xã hội; có kỹ năng thực hành xã hội, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; có tầm nhìn, tư duy phát triển; thực hiện tốt quy tắc ứng xử, mô phạm, đồng thời là tấm gương về giá trị đạo đức lối sống cho giáo viên, học sinh noi theo; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đảm bảo chuẩn về trình độ đào tạo, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, năng động, sáng tạo, đặc biệt chú trọng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, nghề nghiệp của nhà giáo đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong giai đoạn mới.

Phát triển hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế; cơ cấu, phương thức giáo dục phù hợp điều kiện thực tiễn địa phương, nâng cao trình độ, chất lượng phát triển GDĐT. Chú trọng nâng cao dân trí, chất lượng đào tạo nhân lực, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài. Phát triển, hội nhập quốc gia, quốc tế sâu, rộng về giáo dục trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa. Mở rộng giao lưu hợp tác với các nền giáo dục trong cả nước và trên thế giới, nhất là với các nền giáo dục tiên tiến hiện đại; phát hiện và khai thác kịp thời các cơ hội thu hút nguồn lực có chất lượng; đến năm 2030, giáo dục Quảng Bình đạt mức khá trong khu vực Bắc Trung Bộ và đến năm 2045, trở thành một nền giáo dục có chất lượng cao trong khu vực Bắc Trung Bộ và trên phạm vi cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% thủ tục hành chính (đủ điều kiện) được xây dựng dịch vụ công trực tuyến; 100% thủ tục hành chính được rà soát, công bố kịp thời theo các quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ GDĐT.

- 100% cơ sở giáo dục kết nối với các cấp quản lý giáo dục, cơ sở dữ liệu quốc gia và địa phương; 100% học sinh được tiếp cận không gian học tập hiện đại trên nền tảng số; 100% cơ sở giáo dục triển khai các giải pháp công nghệ trong hoạt động dạy học và quản lý nhà trường; 100% người học và nhà giáo của tỉnh có đủ điều kiện thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các hoạt động dạy - học trực tuyến.



a. Giáo dục mầm non

- Về quy mô mạng lưới trường lớp: Phát triển mạng lưới trường lớp mầm non phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương và đảm bảo nhu cầu học tập của học sinh, phần đầu số cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đạt 11,56% và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đạt 13,24%.

- Về phổ cập giáo dục: Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (08/08 huyện/thị xã/thành phố); phần đầu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo (08/08 huyện/thị xã/thành phố) năm 2030.

- Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ:

+ Đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 38% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 100% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo.

+ Phần đầu có 100% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1.

+ 100% trẻ được khám sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non giảm xuống dưới 2,5%.

+ 100% cơ sở giáo dục không lây lan dịch bệnh.

+ Tỷ lệ trẻ nhà trẻ bán trú đạt 99,94% và mẫu giáo đạt 99,25%.

+ 100% cơ sở giáo dục mầm non có trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng Việt.

+ Phần đầu 100% cơ sở giáo dục mầm non áp dụng phương pháp giáo dục tiên tiến trong thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

- Về đội ngũ: Bảo đảm đủ giáo viên, nhân viên theo quy định; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên; 98,8% giáo viên có trình độ trên chuẩn.

- Về cơ sở vật chất trường lớp:

+ Phần đầu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%.

+ Phần đầu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 74%.

b. Giáo dục tiểu học

- Về quy mô mạng lưới trường lớp: Phát triển mạng lưới trường lớp tiểu học phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương và đảm bảo nhu cầu học tập của học sinh, phần đầu số cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đạt 1,3% và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đạt 0,89%. Nâng cấp Trung tâm nuôi dạy trẻ Khuyết tật thành phố Đồng Hới thành Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp tỉnh.

- Về phổ cập giáo dục: Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học



mức độ 3 theo hướng bền vững (08/08 huyện/thị xã/thành phố).

- Về chất lượng giáo dục:

+ Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi đạt 99,5% .

+ 100% học sinh tham gia học tập được đánh giá theo quy định; 99,2% học sinh tiểu học hoàn thành chương trình môn học; 99,7% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học.

+ Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở (THCS) đạt 99,8%; 100% học sinh được học 2 buổi/ngày.

+ 100% cơ sở giáo dục không lây lan dịch bệnh.

- Về đội ngũ: Bảo đảm đủ giáo viên, nhân viên theo quy định; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên; 2,2% giáo viên có trình độ trên chuẩn.

- Về cơ sở vật chất trường lớp:

+ Phần đầu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%.

+ Phần đầu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 88%.

c. Giáo dục THCS

- Về quy mô mạng lưới trường lớp: Phát triển mạng lưới trường lớp THCS phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương và đảm bảo nhu cầu học tập của học sinh, phần đầu số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đạt 0,5%.

- Về phổ cập giáo dục: Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 (08/08 huyện/thị xã/thành phố).

- Về chất lượng giáo dục:

+ Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi đạt 97,85%.

+ Tỷ lệ hoàn thành chương trình cấp THCS đạt 99%; tỷ lệ chuyển cấp từ THCS lên THPT và các trình độ khác đạt 93,5%.

+ Tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 0,24%.

+ Trên 12% học sinh tốt nghiệp THCS tham gia học tại các cơ sở đào tạo nghề sơ cấp, trung cấp.

+ Phần đầu có 15% học sinh giao tiếp cơ bản được bằng Tiếng Anh.

+ 100% cơ sở giáo dục không lây lan dịch bệnh.

- Về đội ngũ: Bảo đảm đủ giáo viên, nhân viên theo quy định; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên; 7% giáo viên có trình độ trên chuẩn.

- Về cơ sở vật chất trường lớp:

+ Phần đầu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%.

+ Phần đầu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 86%.

d. Giáo dục THPT



- Về quy mô mạng lưới trường lớp: Phát triển mạng lưới trường lớp trung học phổ thông (THPT) phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương và đảm bảo nhu cầu học tập của học sinh, phần đầu số cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đạt 5,71% và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục tư thục đạt 2,92%.

- Về chất lượng giáo dục:

+ Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi đạt 99%.

+ Tỷ lệ hoàn thành cấp THPT đạt 97,5%.

+ Hằng năm có trên 69% học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia đạt giải, có học sinh được gọi vào đội dự tuyển Olympic; có dự án đạt giải trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia; trung bình điểm thi tốt nghiệp THPT đứng trong top 30 cả nước.

+ Tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 0,75%.

+ Trên 15% học sinh tốt nghiệp THPT tham gia học tại các cơ sở đào tạo nghề sơ cấp, trung cấp, cao đẳng.

+ Phần đầu có 20% học sinh giao tiếp cơ bản được bằng Tiếng Anh.

+ 100% cơ sở giáo dục không lây lan dịch bệnh.

- Về đội ngũ: Bảo đảm đủ đội ngũ giáo viên, nhân viên theo quy định; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên; 45,5% giáo viên có trình độ trên chuẩn.

- Về cơ sở vật chất trường lớp:

+ Phần đầu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%.

+ Phần đầu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 90%.

e. Giáo dục thường xuyên

Duy trì, củng cố và giữ vững kết quả phổ cập, xóa mù chữ mức độ 2 (08/08 huyện/thị xã/thành phố). Phần đầu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 99,65%; trong đó tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt 98,85%; có ít nhất 50% huyện/thị xã/thành phố được công nhận danh hiệu huyện học tập.

g. Giáo dục đại học

Số sinh viên đại học/vạn dân đạt ít nhất là 260; tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi 18-22 đạt ít nhất 33%; tỷ lệ sinh viên quốc tế theo học các chương trình giáo dục đại học đạt 5,2%; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 40%.

Dịch chuyển cơ cấu trình độ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu; tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 30%.

Mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cho Trường Đại học Quảng Bình, bảo đảm đạt chuẩn.

Phấn đấu Trường Đại học Quảng Bình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp.

Số lượng công bố khoa học và công trình ứng dụng khoa học công nghệ tính bình quân trên 01 giảng viên toàn thời gian đạt 1,3 công trình/năm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp về quản lý

Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của mọi lực lượng xã hội về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội đối với phát triển GDĐT; có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các ngành, các tổ chức từ tỉnh đến cơ sở.

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới bộ máy quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước từ trung ương tới địa phương và các cơ sở giáo dục, trong hệ thống giáo dục quốc dân từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến giáo dục thường xuyên (GDTX), giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giáo dục đại học; thực hiện các quy định về liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo, tạo thuận lợi cho người học nâng cao trình độ và chuyển đổi ngành nghề; thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; tăng cường năng lực thực thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về GDĐT trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành GDĐT.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn ở nước ta; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội.

Thực hiện chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại Đại học Quảng Bình; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Quảng Bình.

Tăng cường chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành, các cấp, các cơ sở giáo dục để điều tiết quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng.

Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về

công tác thanh tra, kiểm tra của các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực GDĐT.

Rà soát, thực hiện các cơ chế, chính sách về GDĐT và các lĩnh vực có liên quan theo hướng khoa học, hiện đại, đồng bộ, liên thông, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn ở địa phương, tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh cho phát triển GDĐT. Triển khai đồng bộ các văn bản các cấp có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là Luật Giáo dục, Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội, các nghị định của Chính phủ, thông tư của các bộ, ngành có liên quan đến giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Đổi mới tư duy và cơ chế quản lý giáo dục theo hướng: Nhà nước tập trung định hướng và bảo đảm các chính sách xã hội trong phát triển giáo dục, điều tiết để tạo sự phát triển hài hòa, đúng mục đích; người dân và xã hội tham gia giám sát các hoạt động giáo dục, đóng góp và chia sẻ với Nhà nước về nguồn lực cho phát triển giáo dục. Khuyến khích mô hình hợp tác công - tư trong giáo dục để tăng cường huy động nguồn lực ngoài ngân sách, phát huy tính năng động, thiết thực trong quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực của doanh nghiệp để vận dụng phù hợp vào công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Đẩy mạnh cải cách hành chính. Thực hiện đồng bộ, thống nhất việc phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đi đôi với hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị xã hội và Nhân dân.

Phân loại chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học; các cơ sở giáo dục chưa đạt chuẩn phải có lộ trình để tiến tới đạt chuẩn; xây dựng Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp thành một trung tâm đào tạo chất lượng cao để đào tạo bồi dưỡng các tài năng, nhân lực chất lượng cao cho các ngành kinh tế - xã hội.

Thực hiện quản lý theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục trong từng giai đoạn phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tập trung vào quản lý chất lượng giáo dục: chuẩn hóa đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu mới về khoa học giáo dục, khoa học công nghệ và khoa học quản lý; công khai về chất lượng giáo dục, các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính của các cơ sở giáo dục; thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục.

2. Nhóm giải pháp về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục và chuyên môn đối với từng cấp học

a. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.



Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm đồng bộ về nội dung và phương pháp, tiếp cận xu hướng tiên tiến về phát triển chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn, liên thông với đổi mới giáo dục phổ thông; tăng cường quản lý việc thực hiện Chương trình trong các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, quan tâm hỗ trợ chuyên môn đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập; chuẩn bị đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới.

Tăng cường tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ phù hợp với độ tuổi, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ; tăng cường hỗ trợ cha mẹ kiến thức, kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ; xây dựng, triển khai các mô hình phối hợp gia đình - nhà trường - cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ; tiếp tục thực hiện hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên ở các nhóm lớp độc lập tư thục. Tích cực thực hiện phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm một cách linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường, đội ngũ giáo viên, văn hóa địa phương; tăng cường các hoạt động vui chơi trải nghiệm. Khuyến khích triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với ngoại ngữ (tiếng Anh). Vận dụng các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến của các trường chất lượng cao trong nước, của các nước trong khu vực phù hợp với thực tiễn địa phương để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; rà soát, đánh giá về chương trình giáo dục mầm non. Đẩy mạnh hoạt động phát hiện sớm, can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong các cơ sở giáo dục mầm non. Tổ chức tập huấn về sử dụng bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ về phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ chậm phát triển và trẻ em khuyết tật. Đề xuất giải pháp cho mô hình thí điểm phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong cơ sở giáo dục mầm non.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

Triển khai thực hiện đổi mới chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS, cấp THPT phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông.

Tăng cường các nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực các ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn... Đổi mới quản lý, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế.

Tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng khuyến khích lồng ghép nội dung về tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp vào

chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh, sinh viên. Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cần đạt để đánh giá tính tích cực, chủ động của học sinh, sinh viên khi tham gia các hoạt động.

Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hoà, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Triển khai hiệu quả các chu kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm định kỳ cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục phổ thông, làm cơ sở đề xuất các chính sách, giải pháp đổi mới các hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế. Khuyến khích tổ chức, cá nhân, người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

Kết hợp đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và xã hội. Triển khai đổi mới phương thức thi, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục theo tiêu chí tiên tiến, trên cơ sở kiến thức, năng lực thực hành và phẩm chất của người học. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các cuộc thi đảm bảo chính xác, khách quan, không gây áp lực nặng nề cho giáo viên và học sinh, không chạy theo thành tích.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; ưu tiên đầu tư đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh cho các ngành đào tạo giáo viên; các chương trình đào tạo đại học triển khai dạy học ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông và đào tạo bằng ngoại ngữ một số ngành học đại học; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án Ngoại ngữ Quốc gia trong giai đoạn mới.

Xây dựng và triển khai quy trình phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, sinh viên, nhất là trong các môn

học, các ngành nghề STEM; ưu tiên tuyển chọn và cấp học bổng cho những cá nhân xuất sắc đi học tập ở nước ngoài theo các chương trình học bổng có sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với định hướng phát triển nhân lực quốc gia.

Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

b. Đối với giáo dục mầm non

Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động bán trú, đẩy mạnh việc tuyên truyền đến cha mẹ học sinh để nâng mức ăn đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng tại trường cho trẻ theo qui định, góp phần nâng cao thể lực cho trẻ mầm non, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng.

Xây dựng các biện pháp duy trì, phát huy vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo vào năm 2030; nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ dưới 5 tuổi để phát triển bền vững giáo dục mầm non. Đẩy mạnh nội dung cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh.

Triển khai thực hiện Chương trình GDMN mới phù hợp với điều kiện văn hoá địa phương, huy động các nguồn lực để thực hiện hiệu quả Chương trình GDMN mới; tiếp tục thực hiện Chương trình GDMN theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Thực hiện hiệu quả Bộ Chuẩn đánh giá trẻ 5 tuổi nhằm chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho trẻ vào lớp Một.

Vận động các nguồn lực ngoài nhà nước để xây dựng phòng học, trường mầm non, mẫu giáo. Khuyến khích, huy động và tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, vốn và thuế để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển trường, lớp mầm non ngoài công lập ở những nơi phù hợp. Tạo quỹ đất để vận động các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng đầu tư xây dựng phòng học, trường mầm non tại các vùng có khó khăn.

c. Đối với giáo dục tiểu học

Đẩy mạnh quy chuẩn hóa hệ thống tiểu học công lập theo hướng hiện đại, tiên tiến. Tập trung chú trọng thực hiện nhiệm vụ tham gia huy động trẻ đến trường, củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục. Có chính sách hỗ trợ kịp thời đối với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn để đảm bảo các em được đến trường đúng độ tuổi.

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông đối với cấp Tiểu học một cách hiệu quả, sáng tạo, linh hoạt và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện; đổi mới dạy và học, đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Xây dựng đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.



Phát triển các trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật thành nơi hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, phục vụ cho việc tổ chức hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong tỉnh thực hiện tốt giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật và tổ chức các lớp chuyên biệt giúp cho việc can thiệp sớm và phục hồi chức năng đối với học sinh khuyết tật; bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên dạy khuyết tật và giáo dục đặc biệt...

Quan tâm tổ chức các hoạt động xã hội, ngoại khoá, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và nâng cao kỹ năng hoạt động, hợp tác nhóm cho học sinh; coi trọng thực hành thí nghiệm, vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề trong thực tế; chủ động tiếp cận và vận dụng phù hợp chuẩn mực giáo dục tiên tiến, công nghệ dạy học hiện đại của khu vực và thế giới.

d. Đối với giáo dục THCS

Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện tốt nội dung giáo dục hướng nghiệp tích hợp trong chương trình các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với xu hướng phát triển ngành nghề của địa phương và của cả nước; đa dạng hóa các hình thức tư vấn hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục chủ động phối hợp với các trường đào tạo nghề làm tốt công tác tư vấn tuyển sinh, cung cấp kịp thời thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chính sách đối với người học, chính sách ưu đãi trong giáo dục nghề nghiệp, cơ hội khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm, mức thu nhập, xu hướng và nhu cầu của thị trường lao động.

Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn; tổ chức hội thảo, kết nối chuyên môn với nhiều hình thức phong phú. Trong sinh hoạt chuyên môn không chỉ tập trung vào việc nhận xét, đánh giá hoạt động của giáo viên trên lớp mà cần phải chú trọng vào việc đánh giá, nhận xét về những hoạt động của người học; không nên gò ép kiến thức và giới hạn trong thời gian một tiết dạy mà nên xem xét nội dung đó trong tổng thể của một chuyên đề dạy học.

e. Đối với giáo dục THPT

Định hướng giá trị nghề nghiệp trong các trường THPT và thực hiện phân luồng giáo dục ngay từ đầu cấp học THPT, có định hướng về nghề nghiệp rõ ràng.

Tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương; thực hiện các hoạt động hướng nghiệp, tạo cơ hội để học sinh tham quan các cơ sở sản xuất, tìm hiểu các ngành nghề có nhu cầu nhân lực cao tại địa phương.

Làm tốt hơn nữa công tác đào tạo mũi nhọn, tập trung nguồn lực cho bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá, đặc biệt là kỳ thi tốt nghiệp THPT; đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá gắn với lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Tập trung tham mưu đổi mới nội dung thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao chất lượng kỳ thi học sinh giỏi tỉnh cấp THPT, kỳ thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia nhằm giảm áp lực cho học sinh và tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục

đại trà cấp THPT.

g. Đối với giáo dục thường xuyên

Củng cố và nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động của Trung tâm GDTX Quảng Bình, các trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện, đồng thời đẩy mạnh việc thực hiện hiệu quả các chương trình: xóa mù chữ; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ, ngoại ngữ, tin học; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp nhằm hỗ trợ phân luồng sau THCS, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm, đáp ứng yêu cầu của người học.

Phát huy hiệu quả và đa dạng hóa loại hình hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng; nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm nhằm tạo điều kiện, thúc đẩy và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân, xây dựng xã hội học tập. Nâng cao chất lượng hệ GDTX cấp THPT, tiếp tục đẩy mạnh mô hình GDTX cấp THPT kết hợp với học nghề.

Chú trọng xây dựng các chương trình GDTX nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, phát huy năng lực tự học, năng lực sáng tạo của người học.

Đẩy mạnh liên kết đào tạo nghề giữa các trung tâm trong tỉnh với các trường đại học, các cơ sở GDNN ngoài tỉnh; liên kết với doanh nghiệp trong hoạt động GDNN như: xây dựng chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập; trải nghiệm thực tế sản xuất; tham gia nghiên cứu khoa học; ứng dụng công nghệ mới. Gắn trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tổ chức đào tạo hoặc đặt hàng với trung tâm để đào tạo nghề phù hợp, chất lượng và được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh. Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục.

Hướng dẫn, chỉ đạo điều tra, thống kê đối tượng người mù chữ và tái mù chữ trong độ tuổi. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu mở các lớp học xóa mù chữ để giảm số người mù chữ và tái mù chữ trong độ tuổi, đặc biệt, tập trung ở các xã miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; lựa chọn hình thức tổ chức lớp học phù hợp, nội dung hấp dẫn, thiết thực nhằm giúp người mới học có cơ hội được tiếp xúc thường xuyên, hạn chế tái mù chữ.

Tăng cường giáo viên chuyên trách xóa mù chữ cho các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

h. Đối với Giáo dục đại học

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho sinh viên. Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề



nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên.

Đầu tư nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo; ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, công nghệ mới, trong đó tập trung vào các ngành đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh như Du lịch, nông lâm ngư nghiệp...; tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực lao động chất lượng cao và đa dạng của xã hội, đáp ứng nhu cầu việc làm trong thời đại công nghiệp 4.0. Tăng cường công bố khoa học, khuyến khích xuất bản và phổ biến các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, bảo đảm liêm chính học thuật. Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học để gia nhập hệ thống trích dẫn có uy tín của khu vực và thế giới.

Thực hiện phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ tương xứng với năng lực và kết quả hoạt động khoa học công nghệ.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tập trung đẩy mạnh gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu, phát triển khoa học và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học và tạo ra tài sản trí tuệ. Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hợp tác với doanh nghiệp, khuyến khích thành lập doanh nghiệp ứng dụng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học. Hình thành văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ phổ thông đến đại học; hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Phát triển nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý giáo dục. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Tiếp tục triển khai Chương trình nghiên cứu cấp quốc gia về khoa học giáo dục và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục.

Tiếp tục đẩy mạnh tự chủ đại học và đổi mới quản trị giáo dục đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế chung của thế giới. Thực hiện việc Bí thư cấp ủy kiêm Chủ tịch hội đồng trường; đồng thời, làm rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa chủ tịch hội đồng trường với hiệu trưởng để có quy định phù hợp với thực tiễn; thực hiện các quy định liên quan đến khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo theo hướng tạo thuận lợi, tháo gỡ các nút thắt, rào cản, tính đến đặc thù về độ trễ và rủi ro trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học và hợp tác nghiên cứu, triển khai giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp.

Ưu tiên đầu tư đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh cho các ngành đào tạo giáo viên; các chương trình đào tạo đại học triển khai dạy học ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; khuyến khích đào tạo bằng ngoại ngữ một số ngành học đại học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ.

Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân

sách nhà nước, nhất là đào tạo giảng viên trình độ tiến sĩ và chuyên gia các ngành kỹ thuật, công nghệ cao, các ngành trọng điểm mà Việt Nam có nhu cầu.

3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp.

Thực hiện đào tạo gắn với nhu cầu để bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng giáo viên mầm non, phổ thông, GDTX đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đổi mới mô hình, phương thức đào tạo giáo viên, gắn việc đào tạo trong các trường sư phạm với hoạt động thực tiễn tại các trường học; thực hiện đào tạo giáo viên theo cơ chế đặt hàng; sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có; đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên đảm bảo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, GDTX được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định của Bộ GDĐT, đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình giáo dục thường xuyên.

Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp. Tăng số lượng giảng viên đi đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài; có chính sách thu hút các nhà khoa học trong và ngoài nước, người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên tại Trường Đại học Quảng Bình.

Đổi mới, xây dựng cơ chế, chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến; đồng thời thu hút được người giỏi vào Ngành giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên Ngành giáo dục phát triển; nghiên cứu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về GDĐT ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ. Có chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo; nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT. Chú trọng xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tự học, nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; ưu tiên phát triển đội ngũ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các cơ sở giáo dục ngoài công lập, các trường chuyên biệt. Đảm bảo từng bước có đủ giáo viên thực hiện giáo dục toàn diện theo chương trình GDĐT, dạy 02/buổi ngày ở tất cả cấp học, giáo viên dạy ngoại ngữ, giáo viên dạy tin học, giáo viên dạy âm nhạc, giáo viên dạy mỹ thuật, giáo viên



tư vấn học đường và hướng nghiệp, giáo viên dạy song môn; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ, giáo viên tư vấn học đường và hướng nghiệp, giáo viên giáo dục đặc biệt và giáo viên GDTX. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, sàng lọc, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu đối với cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

Chuẩn hóa trong đào tạo, tuyển dụng, sử dụng và đánh giá nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Chú trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo để làm gương cho học sinh, sinh viên.

Có chính sách ưu đãi, tôn vinh, biểu dương đối với những nhà giáo tiêu biểu, có đóng góp tích cực hoặc có thành tích đột xuất trong ngành giáo dục, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng, có tay nghề cao tham gia giảng dạy, truyền nghề tại các cơ sở giáo dục.

Thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý giáo dục.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có cơ chế đặc thù để tuyển chọn và trọng dụng nhân tài, có chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực trình độ cao, năng lực tốt, nghiệp vụ giỏi để xây dựng đội ngũ cốt cán ngành Giáo dục.

Tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước để tranh thủ sự hỗ trợ, tư vấn của các chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên, giáo viên có năng lực và trình độ cao trong việc đào tạo mũi nhọn, bồi dưỡng giáo viên.

Tiến hành đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên làm cơ sở cho việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển công tác, bố trí công việc; kiên quyết đưa ra khỏi ngành đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ban hành và thực hiện tốt các chính sách bồi dưỡng nhân tài và nhân lực chất lượng cao cho địa phương.

Rà soát, đánh giá, sắp xếp, bố trí đội ngũ nhân viên trường học trong các cơ sở giáo dục cho phù hợp với điều kiện của đơn vị và vị trí việc làm đảm bảo hiệu quả công việc tương ứng với nguồn lực đầu tư.

4. Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất, tài chính

Bố trí ngân sách nhà nước chi cho GDĐT bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định và quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển GDĐT. Kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách cho GDĐT phù hợp với tăng trưởng của nền kinh tế. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến hết THPT công lập, xóa mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thực hiện các cơ chế, chính sách đầu tư cho GDĐT theo hướng Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động sự tham

gia hiệu quả của toàn xã hội vào sự nghiệp GDĐT; bảo đảm tính đồng bộ của các văn bản pháp luật liên quan, nhất là về đầu tư, tài chính, tài sản công, ngân sách nhà nước và tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập; rà soát, hoàn thiện các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế đối với tất cả cơ sở giáo dục; tạo động lực thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trong mạng lưới cơ sở giáo dục công lập và tư thục, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển giáo dục.

Nghiên cứu cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo kết quả đầu ra. Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của nhà nước đối với người học ở trường công lập và tư thục. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là loại hình tư thục chất lượng cao và không vì lợi nhuận.

Tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo có thành tích học tập tốt. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao kết quả nghiên cứu.

Xây dựng, triển khai chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông bảo đảm điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình. Đồng thời, tích hợp các mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học vào các chương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp tục đầu tư để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia gắn với đạt chuẩn về chất lượng giáo dục và đạt các tiêu chí Trường học, tiêu chí Giáo dục trong xây dựng Nông thôn mới.

Có chủ trương bố trí nguồn lực để bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các mục tiêu của Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; chú trọng đầu tư phòng học bộ môn, công trình vệ sinh, hệ thống nước sạch và nhà công vụ cho giáo viên cho các trường ở vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; không đưa vào sử dụng và có giải pháp nâng cấp, xây mới các công trình trường, lớp học, nhà vệ sinh chưa bảo đảm an toàn theo quy định.

Tổ chức rà soát, bổ sung trang thiết bị dạy học, phát huy tốt công năng và sử dụng hiệu quả thiết bị. Trang bị trước các thiết bị phục vụ đổi mới phương pháp dạy học, nhất là các thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin; thiết bị dạy học môn ngoại ngữ, đồ chơi ngoài trời và thiết bị làm quen với tin học cho trẻ em.

Huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, vốn đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư công để gia tăng thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư

phát triển các cơ sở giáo dục. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục đại học tương xứng với vị trí vai trò của giáo dục đại học, nhất là cho đào tạo nhân lực chất lượng cao, cho các ngành trọng điểm, công nghệ cao.

Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Đại học Quảng Bình theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và chuyên môn hóa. Bắt kịp xu hướng hội nhập và phát triển bền vững, góp phần thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Xây dựng Chương trình đầu tư công hiện đại hoá giáo dục đại học phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, sư phạm và cơ sở GDNN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tạo đột phá trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đảm bảo đầy đủ nguồn lực để triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển các ngành kinh tế quan trọng và các lĩnh vực công nghệ cao được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Có chính sách đầu tư tăng trưởng cơ sở vật chất và các điều kiện khác cho các trung tâm GDNN-GDTX nhằm tạo điều kiện để các trung tâm triển khai có hiệu quả hơn các nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng xã hội học tập của địa phương, của tỉnh.

Đầu tư ngân sách nhà nước có trọng điểm, không bình quân dàn trải cho các cơ sở giáo dục công lập, đầu tư đến đâu đạt chuẩn đến đó. Từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo đủ nguồn lực tài chính và phương tiện dạy học tối thiểu của tất cả các cơ sở giáo dục.

Tập trung đầu tư toàn diện cho các cơ sở trọng điểm ở các cấp từ mầm non đến phổ thông theo hướng huy động tối đa các nguồn lực ngoài ngân sách. Cùng cố và phát triển có chất lượng các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; tiếp tục xây dựng Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp trở thành hạt nhân chuyên môn của ngành, đơn vị trọng điểm bồi dưỡng nhân tài cho tỉnh; hình thành hệ thống các trường phổ thông trọng điểm nhằm hình thành các vệ tinh để phát hiện và tạo nguồn học sinh năng khiếu cho Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp.

5. Nhóm giải pháp về phát triển mạng lưới, cơ chế chính sách, thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với GDNN và giáo dục đại học.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông theo hướng mỗi xã, phường, thị trấn có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường THCS hoặc trường liên cấp có cấp học tiểu học và cấp học THCS, hạn chế thành lập mới các cơ sở công lập; sắp xếp giảm các điểm trường lẻ để đảm bảo cho trẻ được chăm sóc, giáo dục ở các điểm trường tập trung, điểm trường trung tâm; sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, địa bàn cụ thể, bảo đảm đủ trường, lớp học và trang thiết bị dạy

học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, tiểu học và THCS tiến tới thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm. Khuyến khích, phát triển mạng lưới các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT đáp ứng nhu cầu của Nhân dân theo hướng thành lập các trường ngoài công lập chất lượng cao ở khu tập trung đông dân cư (các khu công nghiệp, khu đô thị mới...); đầu tư, nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng mạng lưới trường học, lớp học. Nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường chất lượng cao, trường công lập tự chủ...

Rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDNN và cơ sở giáo dục đại học; xây dựng hạ tầng phục vụ mở rộng không gian phát triển.

Triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Cùng cố và phát triển các trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật; thành lập mới hoặc nâng cấp một trong các trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật hiện có thành trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp tỉnh. Xây dựng Trường Đại học Quảng Bình trở thành trường đào tạo đa ngành; nghiên cứu, thực hiện mô hình mở đào tạo bậc THPT trong trường đại học.

Củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục và tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; duy trì và nâng cao chất lượng mô hình trường điểm cấp tiểu học, trường THCS trọng điểm chất lượng cao để trở thành các mô hình đi đầu trong đổi mới giáo dục.

Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDTX theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập. Phát triển Trung tâm GDTX Quảng Bình thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực làm việc; cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng cho mọi người. Duy trì, phát huy vai trò của các trung tâm GDNN-GDTX nhằm hỗ trợ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS và đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của người dân trên địa bàn.

Triển khai hiệu quả Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học đại học của Nhân dân và yêu cầu nguồn nhân lực trình độ cao, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Xây dựng các cơ chế chính sách nhằm tạo sự bình đẳng, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập. Đổi mới mô hình phát triển các trường ngoài công lập theo hướng cung ứng dịch vụ giáo dục

chất lượng cao đáp ứng với nhu cầu học tập và điều kiện của người dân.

Khuyến khích các trường trung cấp, cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh tổ chức hoặc tham gia đầu tư, quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm tận dụng nguồn cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên hiện có. Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, phát triển các hình thức liên kết giữa cơ sở sử dụng lao động và cơ sở đào tạo nhân lực; xây dựng cơ chế, chính sách quy định trách nhiệm của doanh nghiệp trong đầu tư phát triển đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân lực thuộc ngành nghề mũi nhọn.

Thực hiện các biện pháp thu hẹp khoảng cách trong chất lượng giáo dục giữa miền xuôi và miền núi, giữa thành thị và nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Thành lập cơ sở dữ liệu GDĐT trực tuyến cho cả giáo viên và học sinh để nâng cao trình độ dạy và học tại các trường vùng sâu vùng xa. Hỗ trợ giáo viên biệt phái làm việc ở các khu vực miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Hỗ trợ giáo viên nòng cốt của các trường, nhất là tại khu vực miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Có chính sách hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu công nghiệp, khu đô thị đông dân cư. Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ cho người học là đối tượng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách hỗ trợ tiền chi phí sinh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người; chính sách cho sinh viên theo chế độ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, người học là người dân tộc thiểu số rất ít người.

Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

6. Nhóm giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục

Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng



dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 vào lĩnh vực GDĐT. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; tất cả cơ sở giáo dục triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Đẩy mạnh đào tạo trực tuyến theo chuẩn quốc tế. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực GDĐT. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh; triển khai mạnh mẽ mô hình giáo dục đại học số nhằm phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Ứng dụng công nghệ số trong tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình; tăng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học số.

Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành Giáo dục.

7. Nhóm giải pháp tăng cường hội nhập quốc tế

Chủ động mở rộng hợp tác song phương và đa phương; thúc đẩy hợp tác với các nước ASEAN và các nước có nền giáo dục chất lượng hàng đầu thế giới. Đẩy mạnh việc ký kết và triển khai hiệu quả các thỏa thuận, điều ước quốc tế, trong đó ưu tiên thực hiện các cam kết quốc tế, khu vực về mục tiêu phát triển giáo dục, chương trình, dự án và các chương trình học bổng hiệp định.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế giữa các cơ sở giáo dục của Quảng Bình và các đối tác có uy tín của nước ngoài; thực hiện tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam với các khung trình độ quốc gia các nước, các khu vực; tham gia các cơ chế công nhận văn bằng, tín chỉ quốc tế và khu vực. Tham gia các chương trình đánh giá, xếp hạng chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục phổ thông và các bảng xếp hạng đại học quốc tế có uy tín.

Tăng cường trao đổi học sinh, sinh viên và giảng viên; chia sẻ kinh nghiệm quản lý giáo dục và hợp tác nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Quảng Bình. Khuyến khích Trường Đại học Quảng Bình hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu quốc tế.

Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân

sách nhà nước, nhất là đào tạo giảng viên trình độ tiến sĩ và chuyên gia các ngành kỹ thuật, công nghệ cao, các ngành trọng điểm mà Việt Nam có nhu cầu.

Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông chất lượng cao; thu hút các cơ sở giáo dục đại học uy tín của nước ngoài mở phân hiệu tại Quảng Bình.

Tăng cường đưa tiếng Việt và văn hóa Việt Nam ra nước ngoài; nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài ở Việt Nam.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
3. Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.
4. Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.
5. Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
6. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan trực tiếp tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, chủ trì triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành có liên quan, các địa phương cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ 5 năm, hằng năm; xây dựng các chính sách, chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục theo phân cấp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Chiến lược. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổng kết 5 năm về tình hình thực hiện kế hoạch, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện cơ chế liên thông giữa GDNN với các cấp học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Chủ trì thực hiện Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng ngân sách, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, tham mưu bố trí ngân sách cho nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030,

ue

tầm nhìn đến năm 2045 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan tham mưu đề xuất chương trình, đề án, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới với giáo dục và đào tạo.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phương án phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ tương xứng với năng lực và kết quả hoạt động khoa học công nghệ đối với giáo dục và đào tạo.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT báo cáo UBND tỉnh ưu tiên bố trí, bổ sung biên chế ngành giáo dục sát với nhu cầu của địa phương theo định mức do Bộ GDĐT quy định, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030.

- Phối hợp với Sở GDĐT tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương liên quan đến cán bộ quản lý và giáo viên ngành GDĐT.

- Phối hợp Sở GDĐT tham mưu bồi dưỡng, phát triển lực lượng cán bộ quản lý giáo dục có tầm nhìn và năng lực thích ứng với các điều kiện thay đổi, tận tâm, thạo việc, có năng lực điều hành.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT và các sở, ngành liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà trường được sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường để bồi dưỡng, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện tuyên truyền về giáo dục, tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về GDĐT.

6. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các các sở, ngành liên quan đề kiệntoàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học, đảm bảo việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em, học sinh để cải thiện, có kết quả rõ rệt trong việc nâng cao thể lực, sức khỏe của con người Việt Nam thế hệ mới.

7. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở GDĐT trong công tác quản lý quy hoạch, quản lý chất lượng công trình xây dựng đảm bảo các công trình được đầu tư xây dựng đúng theo chuẩn quy định. Tham mưu phê duyệt thiết kế mẫu bản vẽ thiết kế thi công và dự toán khối lượng phần thân các công trình trường học trên địa bàn tỉnh phù hợp với các vùng miền, địa phương.



8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Căn cứ nhu cầu sử dụng đất cho ngành GDĐT của Sở GDĐT, UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức trình, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo nhu cầu sử dụng quỹ đất cho ngành GDĐT để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai.

- Chủ trì, phối hợp với các các sở, ngành liên quan trong việc tổng hợp về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, đề án, dự án khác liên quan đến giáo dục.

9. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Tuyên truyền và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể hóa vào Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

10. Các sở, ngành cấp tỉnh

Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở GDĐT tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

11. Trường Đại học Quảng Bình

Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT, các sở, ngành và đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp liên quan phát triển giáo dục đại học trong kế hoạch.

12. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Phối hợp với Sở GDĐT trong việc xây dựng các chỉ tiêu của địa phương đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu của tỉnh đã đưa ra trong kế hoạch.

Cụ thể hóa và triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công tác quy hoạch, bố trí đủ quỹ đất cho phát triển GDĐT theo quy định; bố trí đủ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước cho GDĐT; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trong lĩnh vực giáo dục của địa phương.

Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong đầu tư phát triển giáo dục.

13. Các cơ sở giáo dục

Tích cực đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý và dạy học; căn cứ nội dung, định hướng kế hoạch để xây dựng định hướng, kế hoạch phát triển của cơ sở phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của ngành và xu thế phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Rà soát cơ sở vật chất, lập kế hoạch sửa chữa, duy tu các công trình xuống cấp, đồng thời bố trí kinh phí thường xuyên, huy động nguồn thu hợp pháp và các khoản thu hợp pháp khác để tăng cường, sửa chữa cơ sở vật chất thực hiện

các chương trình giáo dục mới.

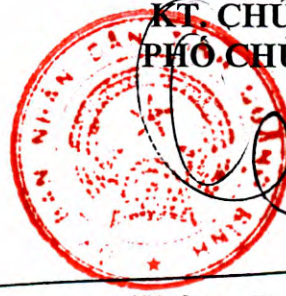
Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, yêu cầu các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở GDĐT) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ GDĐT (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng GDĐT;
- Các trường ĐH, CĐ, TC trên địa bàn tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NCVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Tân

Phụ lục
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Kế hoạch số 1064/KH-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025
của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Kế hoạch	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp phê duyệt
1	Kế hoạch thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2025	UBND tỉnh
2	Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới chương trình giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2025	UBND tỉnh
3	Kế hoạch thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2025	UBND tỉnh
4	Chương trình đầu tư công hiện đại hóa giáo dục Đại học Quảng Bình	Sở Tài chính	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Chương trình, dự kiến năm 2025	UBND tỉnh
5	Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Chương trình, dự kiến năm 2025	UBND tỉnh
6	Kế hoạch thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2025	UBND tỉnh

TT	Kế hoạch	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp phê duyệt
7	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển y tế học đường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Y tế	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2025	UBND tỉnh
8	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2026	UBND tỉnh
9	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1717/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước cho học sinh giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Năm 2025	UBND tỉnh
10	Kế hoạch thực hiện đề án phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2026	UBND tỉnh
11	Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2026	UBND tỉnh
12	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2026	UBND tỉnh
13	Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2026	UBND tỉnh
14	Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt	UBND tỉnh

TT	Kế hoạch	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp phê duyệt
	giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình		quan	Đề án, dự kiến năm 2026	
15	Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng văn hóa học đường giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2026	UBND tỉnh
16	Kế hoạch thực hiện đề án xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2026	UBND tỉnh
17	Kế hoạch thực hiện đề án đổi mới hình thức thi tốt nghiệp THPT thí điểm từ năm 2027 và triển khai đồng bộ sau năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2026	UBND tỉnh
18	Kế hoạch thực hiện đề án nâng cao chất lượng các tạp chí khoa học của Việt Nam để gia nhập các hệ thống trích dẫn có uy tín của khu vực và thế giới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2026	UBND tỉnh
19	Kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo điều kiện để thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo Luật Giáo dục năm 2019	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2027	UBND tỉnh
20	Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường hoạt động nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với hoạt động đào tạo tại Đại học Quảng Bình	Đại học Quảng Bình	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2027	UBND tỉnh
21	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển và bảo tồn tiếng nói, chữ viết các dân tộc giai đoạn 2030-2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án, dự kiến năm 2029	UBND tỉnh